



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC	10-31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Úy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/05/2023)
Ông Hà Xuân Trường	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 26/05/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 9. Phải thu về cho vay, Công ty cho vay một số cá nhân không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 10% - 12%/năm.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 12. Tài sản dở dang dài hạn, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí hạ tầng phục vụ việc khai thác mỏ tại mỏ Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ của công ty con - Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình xin phê duyệt giấy phép khai thác.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam - Công ty con, đang có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán (được xếp loại nợ nhóm 5) với ngân hàng, tổng khoản nợ là 39.021.769.000 đồng và được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ 3.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 30. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam ("Gang Thép") - công ty liên kết đã thực hiện giảm vốn từ 480.000.000.000 VND xuống 200.000.000.000 VND thông qua việc hoàn trả tài sản và tiền cho các cổ đông, không bao gồm Công ty làm tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Gang Thép từ 32,01% lên 76,82%. Do đó, Gang Thép trở thành công ty con của Công ty từ ngày 01/04/2023. Đồng thời, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam đang trong quá trình xin phê duyệt giấy phép khai thác, chế biến quặng sắt nên trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 chưa có doanh thu



Lê Minh Tâm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 4557-2019-149-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.731.842.210	22.707.153.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.191.886.542	671.488.665
1. Tiền	111		1.191.886.542	671.488.665
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.441.622.351	20.319.510.347
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.612.103.736	8.319.510.529
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.972.413.327	11.999.999.818
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	14.857.105.288	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	157.935.205	-
1. Hàng tồn kho	141		157.935.205	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.940.398.112	1.716.154.064
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.940.398.112	1.716.154.064
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289.772.116.349	225.831.794.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.524.674.926	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	8.082.600.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	442.074.926	-
II. Tài sản cố định	220		45.228.264.635	36.581.818.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	45.228.264.635	36.581.818.183
- Nguyên giá	222		73.558.675.656	45.758.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.330.411.021)	(9.176.272.727)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	201.394.644.636	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		201.394.644.636	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	188.640.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	188.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34.624.532.152	609.976.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	492.480.800	609.976.154
2. Lợi thế thương mại	269		34.132.051.352	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		338.503.958.559	248.538.947.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.774.476.041	154.559.040
I. Nợ ngắn hạn	310		44.774.476.041	154.559.040
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.181.545.420	58.200.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	14.802.483	32.121.288
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	556.359.138	64.237.752
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	39.021.769.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.729.482.518	248.384.388.373
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	293.729.482.518	248.384.388.373
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		247.159.580.000	247.159.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		413.901.931	1.373.899.282
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		1.373.899.282	1.310.292.546
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(959.997.351)	63.606.736
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.305.091.496	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		338.503.958.559	248.538.947.413

Trang

Trang



Lê Thị Trang
Người lập

Châu Văn Anh
Kế toán trưởng

Bùi Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	41.524.583.902	22.631.760.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		41.524.583.902	22.631.760.000
4. Giá vốn hàng bán	11	22	40.989.094.272	22.044.778.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		535.489.630	586.981.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	322.180.964	1.069.056
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.546.400.829	512.227.117
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(688.730.235)	75.823.415
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	25	309.993.597	133.650
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(309.993.597)	(133.650)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(998.723.832)	75.689.765
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	13.999.761	15.164.683
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.012.723.593)	60.525.082
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(959.997.351)	60.525.082
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(52.726.242)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(39)	2

Trang

Châu Văn Anh



Lê Thị Trang
Người lập

Châu Văn Anh
Kế toán trưởng

Bùi Thủy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(998.723.832)	75.689.765
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.601.491.564	1.524.242.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(322.180.964)	(1.069.056)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.280.586.768	1.598.863.133
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.194.730.233)	(18.596.808.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(33.590.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.416.601.841	16.473.840.637
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		117.495.354	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.121.288)	(46.150.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(412.167.558)	(603.844.611)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		812.449.471	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		120.115.964	1.069.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		932.565.435	1.069.056
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		520.397.877	(602.775.555)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		671.488.665	2.686.473.414
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>1.191.886.542</u>	<u>2.083.697.859</u>

Trang

Trang



Lê Thị Trang
Người lập

Châu Văn Anh
Kế toán trưởng

Bùi Thủy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/08/2010, thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 247.159.580.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty hiện tại đang niêm yết trên sàn HNX, mã chứng khoán: FID

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê: - Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; - Nhà không phải để ở gồm: khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát và trung tâm thương mại; - Đất; - Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; - Mua, bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; - Hoạt động mua, bán, cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: Sản xuất gạch bông lò tuyền;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Khai thác quặng sắt
Chi tiết: Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt);
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Chi tiết: Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, angtimon...);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, bán buôn phân bón sử dụng trong nông nghiệp; Mua bán vật tư, cách nhiệt; cách âm; thông gió; chống cháy; ngành cơ khí; điện - điện lạnh; Mua bán trang thiết bị máy móc công cụ cách nhiệt, cách âm, thông gió chống cháy ngành cơ khí, điện điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MÃU SỐ B 09-DN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 1 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: Không

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	76,82%	76,82%	Xây dựng công trình công ích

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MÃU SỐ B 09-DN

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Thuế

Công ty nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.181.431.935	666.729.842
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.454.607	4.758.823
	1.191.886.542	671.488.665

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023	01/01/2023				
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	-	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000	-
	-	-	-	188.640.000.000	188.640.000.000	-

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAMSố VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC****MẪU SỐ B 09-DN****7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Gạo Sóc Trăng	18.577.694.070	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn	916.158.738	4.392.505.908
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên Long Thành	-	3.317.552.590
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái	-	286.200.000
Ông Nguyễn Việt Phương	-	205.001.103
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lida	118.250.928	118.250.928
	19.612.103.736	8.319.510.529

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Tân Thời Đại	7.572.413.327	-	11.999.999.818	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Calicap	150.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K- CN Miền Bắc	100.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán CALICO	150.000.000	-	-	-
	7.972.413.327	-	11.999.999.818	-

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.000.000.000	-
Phải thu về cho vay (*)	3.000.000.000	-
b) Dài hạn	8.082.600.000	-
Phải thu về cho vay (**)	8.082.600.000	-
	11.082.600.000	-

(*) Hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐTD/GT-NTH ngày 28/02/2023 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam và bà Nguyễn Thị Hiền, số tiền cho vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 1%/tháng.

(**) Hợp đồng cho vay số 01/2021/HĐTD/GT-NTH ngày 10/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam và bà Phạm Thị Thủy, số tiền cho vay là 8.082.600.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

10 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	12.903.797.500	-	-	-
- Nguyễn Quang Úy	12.903.797.500	-	-	-
Phải thu khác	1.953.307.788	-	-	-
	14.857.105.288	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	442.074.926	-	-	-
	442.074.926	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
- Nguyễn Quang Úy	12.903.797.500	-	-	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	157.935.205	-	-	-
	157.935.205	-	-	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	201.394.644.636	-
	201.394.644.636	-

(*) Đây là chi phí hạ tầng khai thác mỏ của công ty con - Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại mỏ Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và Công ty đang trong quá trình xin phê duyệt giấy phép khai thác, chế biến quặng sắt. Ngày 29/09/2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Báo cáo thẩm định Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư khai thác, chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam số 471/BC-SKH&ĐT. Ngày 02/08/2021, Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Sơn đã ra Văn bản số 1161/UBND-TN&MT về việc thực hiện dự án Đầu tư khai thác, chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**MẪU SỐ B 09-DN****13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2023	-	45.758.090.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45.758.090.910
Tăng do hợp nhất	840.280.628	24.342.548.058	10.057.213.750	38.760.000	-	-	-	-	-	-	-	35.278.802.436
Giảm khác (*)	-	-	(7.478.217.690)	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.478.217.690)
Tại ngày 30/06/2023	840.280.628	70.100.638.968	2.578.996.060	38.760.000	2.578.996.060	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	73.558.675.656
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2023	-	9.176.272.727	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.176.272.727
Trích khấu hao	-	1.726.310.760	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.726.310.760
Tăng do hợp nhất	840.280.628	13.969.790.846	10.057.213.750	38.760.000	-	-	-	-	-	-	-	24.906.045.224
Giảm khác (*)	-	-	(7.478.217.690)	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.478.217.690)
Tại ngày 30/06/2023	840.280.628	24.872.374.333	2.578.996.060	38.760.000	2.578.996.060	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	38.760.000	28.330.411.021
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2023	-	36.581.818.183	-	-	-	-	-	-	-	-	-	36.581.818.183
Tại ngày 30/06/2023	-	45.228.264.635	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45.228.264.635

Trong đó:

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của Tài sản thế chấp cầm cố: 0 VND
- Nguyên giá tài sản tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết, đang sử dụng: 15.707.402.928 VND

(*) Giảm tài sản cố định và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản do giảm vốn trả lại tài sản cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2023 của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAMSố VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC****MẪU SỐ B 09-DN****14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	430.461.508	555.689.780
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.019.292	54.286.374
	492.480.800	609.976.154

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con trong kỳ	34132051352	0
	34.132.051.352	-

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Fly Express	24.096.600	24.096.600	-	-
Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh	1.565.868.820	1.565.868.820	-	-
Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm XNK Miền Nam	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy	-	-	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	-	-	3.200.000	3.200.000
Công ty Cổ phần Nông Sản Thiên Hương	2.561.580.000	2.561.580.000	-	-
	5.181.545.420	5.181.545.420	58.200.000	58.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAMSố VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC****MẪU SỐ B 09-DN****17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	574.217.123	574.217.123	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	32.121.288	20.213.109	48.735.068	3.599.329
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.203.154	-	11.203.154
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	32.121.288	611.633.386	628.952.191	14.802.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.375.640	-
Bảo hiểm xã hội	552.983.498	64.237.752
	556.359.138	64.237.752

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ n**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC****MÃU SỐ B 09-DN****19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng do hợp nhất VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	-	-	28.040.769.000	-	28.040.769.000	28.040.769.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	10.981.000.000	-	10.981.000.000	10.981.000.000
	-	-	39.021.769.000	-	39.021.769.000	39.021.769.000

Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	-	28.040.769.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	10.981.000.000	-	10.981.000.000	-
	39.021.769.000	-	39.021.769.000	-

Các khoản vay ngân hàng của Công ty đang thuộc nhóm nợ xấu Nhóm nợ 5 và được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số VP24, Tầng 4, KVP, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**MÃ SỐ B 09-DN****20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước					
Số dư đầu năm trước	247.159.580.000	(149.090.909)	1.310.292.546	-	248.320.781.637
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	63.606.736	-	63.606.736
Số dư cuối năm trước	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	-	248.384.388.373
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	-	248.384.388.373
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(959.997.351)	(52.726.242)	(1.012.723.593)
Tăng khác	-	-	-	46.357.817.738	46.357.817.738
Số dư cuối kỳ	247.159.580.000	(149.090.909)	413.901.931	46.305.091.496	293.729.482.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Vốn góp của bà Nguyễn Thị Thu	8,09%	20.000.000.000	8,09%	20.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	91,91%	227.159.580.000	91,91%	227.159.580.000
	100%	247.159.580.000	100%	247.159.580.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	247.159.580.000	247.159.580.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	247.159.580.000	247.159.580.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	247.159.580.000	247.159.580.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.715.958	24.715.958
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	39.934.583.902	21.041.760.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.590.000.000	1.590.000.000
	41.524.583.902	22.631.760.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.464.851.848	20.520.536.100
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.524.242.424	1.524.242.424
	40.989.094.272	22.044.778.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	322.180.964	1.069.056
	322.180.964	1.069.056

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	117.495.354	-
Chi phí nhân công	99.900.000	76.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.068.336	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.716.583	424.613.953
Lợi thế thương mại phân bổ	875.180.804	-
Chi phí khác bằng tiền	24.039.752	8.413.164
	1.546.400.829	512.227.117

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí khác	309.993.597	133.650
	309.993.597	133.650

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát t	-	15.164.683
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty Cổ phần Gang thép C	13.999.761	-
	13.999.761	15.164.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(959.997.351)	60.525.082
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(959.997.351)	60.525.082
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24.715.958	24.715.958
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(39)	2

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.495.354	-
Chi phí nhân công	99.900.000	76.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.601.491.564	1.524.242.424
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.716.583	424.613.953
Chi phí khác bằng tiền	23.073.546	8.413.164
	3.069.677.047	2.036.469.541

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.191.886.542	-	671.488.665	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.911.283.950	-	8.319.510.529	-
Các khoản cho vay	11.082.600.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	188.640.000.000	-
	47.185.770.492	-	197.630.999.194	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	39.021.769.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	5.737.904.558	122.437.752
	44.759.673.558	122.437.752

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MÃU SỐ B 09-DN

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.191.886.542	-	-	1.191.886.542
Phải thu khách hàng	19.612.103.736	-	-	19.612.103.736
Phải thu khác	14.857.105.288	442.074.926	-	15.299.180.214
Các khoản cho vay	3.000.000.000	8.082.600.000	-	11.082.600.000
	38.661.095.566	8.524.674.926	-	47.185.770.492
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	671.488.665	-	-	671.488.665
Phải thu khách hàng	8.319.510.529	-	-	8.319.510.529
Đầu tư dài hạn	-	188.640.000.000	-	188.640.000.000
	8.990.999.194	188.640.000.000	-	197.630.999.194

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	39.021.769.000	-	-	39.021.769.000
Phải trả người bán	5.181.545.420	-	-	5.181.545.420
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	556.359.138	-	-	556.359.138
	44.759.673.558	-	-	44.759.673.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**MẪU SỐ B 09-DN****Tại ngày 01/01/2023**

Phải trả người bán	58.200.000	-	-	58.200.000
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	64.237.752	-	-	64.237.752
	122.437.752	-	-	122.437.752

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỶ KẾ TOÁN

Tại ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2023 từ 480.000.000.000 đồng xuống 200.000.000.000 đồng, bằng việc trả lại tiền và tài sản cho các cổ đông không bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam từ Công ty liên kết trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Úy	Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty con
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên HĐQT Công ty con
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT Công ty con
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Công ty con

Ngoài ra bên liên quan còn bao gồm những các cá nhân có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật như bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

MẪU SỐ B 09-DN

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Trả lại vốn góp của Công ty con		
Ông Hà Xuân Trường	41.576.173.551	-
Ông Nguyễn Xuân Quyết	163.010.172.815	-
Bà Vũ Thị Thúy	35.604.853.536	-
Ông Nguyễn Xuân Sơn	39.808.800.098	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	47.400.000	47.400.000
- Ông Hà Xuân Trường - Phó Tổng giám đốc	47.400.000	47.400.000

Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận lương và thù lao trong kỳ.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trang

Lê Thị Trang
Người lập

Châu Văn Anh

Châu Văn Anh
Kế toán trưởng



Bùi Thùy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023